

KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ HỖ TRỢ VIỆC LÀM CHO NGƯỜI CHẤP HÀNH XONG ÁN PHẠT TÙ VÀ MỘT SỐ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ SOA*

Việc làm là một trong những yếu tố có ý nghĩa quyết định đối với quá trình tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù. Thực tiễn cho thấy, những người có việc làm ổn định sau khi được trả tự do thường có nguy cơ tái phạm thấp hơn so với nhóm không có việc làm. Bài viết phân tích một số mô hình hỗ trợ việc làm tiêu biểu tại Singapore, Na Uy và CHLB Đức, từ đó, làm rõ vai trò của Nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng trong việc đào tạo nghề, kết nối việc làm và giảm thiểu sự kỳ thị đối với người từng phạm tội. Trên cơ sở đối chiếu với thực tiễn Việt Nam, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách hỗ trợ việc làm cho người chấp hành xong án phạt tù, góp phần nâng cao hiệu quả tái hòa nhập cộng đồng và phòng ngừa tái phạm tội.

Từ khóa: Người chấp hành xong án phạt tù; hỗ trợ việc làm; tái hòa nhập cộng đồng; kinh nghiệm quốc tế.

Employment is a decisive factor in the successful reintegration of former prisoners into society. Evidence shows that individuals who secure stable employment after their release are less likely to reoffend than those who remain unemployed. This article analyzes representative employment support models in Singapore, Norway, and Germany, highlighting the roles of the state, businesses, and the community in vocational training, job placement, and reducing social stigma against former offenders. Based on a comparison with the current situation in Vietnam, the article proposes several recommendations for improving employment support policies for former prisoners, thereby enhancing the effectiveness of social reintegration and preventing recidivism.

Keywords: Former prisoners; employment support; social reintegration; international experience.

NGÀY NHẬN: 12/5/2026 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 28/6/2026 NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 08/7/2026

Email: camsoalq2@gmail.com

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.366.2026.1593>

1. Đặt vấn đề

Việc làm được thừa nhận là một trong những điều kiện quan trọng bảo đảm quá trình tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù. Theo Visser, Winterfield & Coggeshall (2005), việc làm là

một phương tiện thiết yếu giúp người chấp hành xong án phạt tù tái hòa nhập thành công vào xã hội. Đồng thời, UNODC (2018)

** ThS. NCS, Trường Sĩ quan Lục quân 2 (Đại học Nguyễn Huệ)*

nhấn mạnh: các biện pháp hỗ trợ tái hòa nhập cần được triển khai liên tục từ giai đoạn chấp hành án đến sau khi người phạm tội trở về cộng đồng nhằm giảm nguy cơ tái phạm và thúc đẩy hòa nhập xã hội.

Ở Việt Nam, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ người chấp hành xong án phạt tù trong học nghề, tạo việc làm và tiếp cận tín dụng ưu đãi. Tuy nhiên, hiệu quả thực thi vẫn chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Bài viết phân tích kinh nghiệm của Singapore, Na Uy và CHLB Đức, từ đó, đề xuất các định hướng hoàn thiện chính sách hỗ trợ việc làm đối với người chấp hành xong án phạt tù ở Việt Nam.

2. Kinh nghiệm hoàn thiện chính sách hỗ trợ việc làm cho người chấp hành xong án phạt tù tại một số quốc gia

2.1. Mô hình tại Singapore

Singapore được đánh giá là một trong những quốc gia có chính sách hỗ trợ việc làm cho người chấp hành xong án phạt tù hiệu quả tại châu Á. Hiệu quả của chính sách này không chỉ xuất phát từ các chương trình hỗ trợ nghề nghiệp mà còn từ cơ chế phối hợp giữa Nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội trong toàn bộ quá trình tái hòa nhập cộng đồng. Nhà nước giữ vai trò kiến tạo thể chế và điều phối, còn doanh nghiệp tham gia trên cơ sở trách nhiệm xã hội kết hợp với các cơ chế khuyến khích của Chính phủ.

Sáng kiến trung tâm của chính sách này là Yellow Ribbon Project (Dự án Dải ruy băng vàng) được triển khai từ năm 2004 nhằm giảm kỳ thị xã hội và khuyến khích doanh nghiệp tạo “cơ hội thứ hai” cho người từng phạm tội. Đến năm 2025, đã có hơn 6.486 doanh nghiệp tham gia chương trình cho thấy, hỗ trợ việc làm đã vượt ra khỏi phạm vi của cơ quan thi hành án để trở thành trách nhiệm xã hội có sự tham gia của khu vực tư nhân (Yellow Ribbon Singapore, n.d.).

Hoạt động đào tạo nghề tại Singapore được tổ chức theo định hướng nhu cầu của thị trường lao động thay vì chỉ dựa trên khả năng đào tạo của cơ sở giam giữ. Năm 2025, có khoảng 4.016 phạm nhân được đào tạo kỹ năng, tương đương hơn 70% số phạm nhân

đủ điều kiện tham gia các chương trình đào tạo nghề trong thời gian chấp hành án, với trung bình 92 giờ đào tạo mỗi người (Singapore Prison Service & Yellow Ribbon Singapore, 2026). Điều này cho thấy, đào tạo nghề được thiết kế theo nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp thay vì chỉ đáp ứng mục tiêu giáo dục cải tạo trong cơ sở giam giữ.

Một yếu tố quan trọng tạo nên hiệu quả của mô hình Singapore là cơ chế chăm sóc và hỗ trợ xuyên suốt, bảo đảm sự hỗ trợ liên tục từ giai đoạn chấp hành án đến sau khi trở về cộng đồng. Khoảng 94% phạm nhân tham gia chương trình đã được kết nối việc làm trước thời điểm trả tự do (Yellow Ribbon Singapore, n.d.). Hiệu quả này được bảo đảm thông qua mạng lưới chăm sóc giữa Cơ quan Nhà tù Singapore, cơ quan quản lý lao động và các tổ chức xã hội. Singapore xây dựng một quy trình thống nhất từ tư vấn nghề nghiệp, đào tạo kỹ năng đến kết nối doanh nghiệp. Cách tiếp cận này giúp hạn chế khoảng trống hỗ trợ sau khi người chấp hành xong án phạt tù trở về cộng đồng, qua đó, nâng cao khả năng duy trì việc làm và giảm nguy cơ tái phạm.

2.2. Mô hình tại Na Uy

Na Uy được đánh giá là một trong những quốc gia có chính sách tái hòa nhập cộng đồng hiệu quả hàng đầu thế giới. Từ năm 2005, Na Uy triển khai chương trình Reintegration Guarantee (bảo đảm tái hòa nhập) nhằm bảo đảm người chấp hành xong án phạt tù được tiếp cận các điều kiện thiết yếu để ổn định cuộc sống sau khi trở về cộng đồng, bao gồm: việc làm hoặc đào tạo nghề, nhà ở, giấy tờ tùy thân, chăm sóc y tế và tư vấn tài chính (CEP Probation, n.d.). Cách tiếp cận này phản ánh quan điểm coi việc làm là một bộ phận của chính sách tái hòa nhập tổng thể, thay vì một chính sách hỗ trợ độc lập.

Cục Quản lý nhà tù và tái hòa nhập Na Uy là cơ quan đầu mối điều phối giữa cơ quan thi hành án, chính quyền địa phương, cơ quan lao động và các tổ chức xã hội trong việc xây dựng kế hoạch tái hòa nhập cá nhân cho từng phạm nhân ngay từ thời gian chấp hành án. Bên cạnh đó, việc bố trí đội ngũ cán bộ chuyên trách hỗ trợ trả tự do giúp duy trì sự

hỗ trợ liên tục từ trước khi trả tự do đến khi người chấp hành xong án trở về cộng đồng, đặc biệt trong tiếp cận việc làm và các dịch vụ an sinh xã hội. Cơ chế phối hợp này xác định rõ trách nhiệm của từng chủ thể; đồng thời, bảo đảm tính liên tục giữa giai đoạn chấp hành án và giai đoạn sau khi người chấp hành xong án trở về địa phương.

Một trong những chỉ số phản ánh hiệu quả của mô hình là tỷ lệ người được trả tự do phải chấp hành án tù mới chỉ khoảng 20% trong vòng hai năm sau khi được trả tự do (CEP Probation, n.d.). Đồng thời, khoảng 80% người tìm được việc làm hoặc tiếp tục học tập, đào tạo nghề (Offpoy, 2025) cho thấy, cơ chế hỗ trợ liên tục và sự gắn kết giữa đào tạo nghề với thị trường lao động có vai trò quan trọng trong việc nâng cao khả năng tiếp cận việc làm sau khi trở về cộng đồng. Kết quả nghiên cứu của Đại học Bergen cho thấy, các chương trình đào tạo nghề giúp tăng khoảng 40% khả năng có việc làm sau khi được trả tự do và giảm nguy cơ tái phạm tới 46% trong vòng 5 năm (University of Bergen, (n.d.). Những kết quả này cho thấy, hiệu quả của chính sách không chỉ đến từ hoạt động đào tạo nghề mà còn từ cơ chế hỗ trợ đồng bộ giữa việc làm, an sinh xã hội và dịch vụ công trong khuôn khổ Nhà nước phúc lợi.

2.3. Mô hình tại CHLB Đức

Từ năm 1973, Tòa án Hiến pháp Liên bang Đức đã khẳng định tái hòa nhập xã hội là mục tiêu hiến định của thi hành án hình sự. Theo đó, việc chấp hành án phạt tù không chỉ nhằm trừng phạt mà còn phải tạo điều kiện để người phạm tội khôi phục khả năng sống tự chủ, có trách nhiệm và hòa nhập trở lại xã hội. Nguyên tắc này được cụ thể hóa tại Điều 2 *Đạo luật Thi hành án hình sự* (Strafvollzugsgesetz - StVollzG), theo đó, chế độ thi hành án phải hướng tới giúp người bị kết án có khả năng sống trong xã hội mà không tiếp tục phạm tội. Vì vậy, giáo dục, đào tạo nghề và chuẩn bị việc làm được thực hiện ngay trong thời gian chấp hành án.

Điểm nổi bật của CHLB Đức là sử dụng công cụ pháp lý để hạn chế kỳ thị trong tuyển dụng. Theo *Đạo luật Đăng ký Trung ương Liên*

bang (Bundeszentralregistergesetz - BZRG), việc tiếp cận và sử dụng thông tin về tiền án bị giới hạn, người sử dụng lao động chỉ được yêu cầu người lao động cung cấp thông tin lý lịch tư pháp đối với những vị trí việc làm có yêu cầu đặc thù. Theo Điều 53 BZRG, người đã chấp hành xong án có quyền không tiết lộ tiền án trong những trường hợp pháp luật không yêu cầu công bố (Morgenstern, 2011). Quy định này vừa bảo vệ dữ liệu cá nhân, vừa hạn chế việc sử dụng tiền án như căn cứ loại trừ người lao động khỏi thị trường việc làm.

Bên cạnh đó, cơ chế xóa án tích sau một thời hạn nhất định thể hiện quan điểm rằng hậu quả pháp lý của việc kết án không nên kéo dài vô thời hạn. Qua đó, người chấp hành xong án phạt tù từng bước khôi phục địa vị pháp lý và cơ hội tiếp cận việc làm bình đẳng. Theo nghiên cứu của Bộ Tư pháp Liên bang Đức, chỉ khoảng 26% người trưởng thành được thả khỏi tù bị kết án tù mới trong vòng ba năm (2016 - 2019), trong khi tỷ lệ tái phạm giảm đáng kể đối với những người có việc làm ổn định nhờ cơ chế hạn chế tiết lộ tiền án (Federal Ministry of Justice, 2023). Kinh nghiệm của CHLB Đức cho thấy, hiệu quả hỗ trợ việc làm không chỉ phụ thuộc vào đào tạo nghề mà còn gắn với cơ chế pháp lý bảo vệ quyền tái hòa nhập cộng đồng và hạn chế kỳ thị trong tuyển dụng.

3. Thực tiễn hỗ trợ việc làm cho người chấp hành xong án phạt tù tại Việt Nam

Những năm gần đây, cùng với việc hoàn thiện chính sách tái hòa nhập cộng đồng, Nhà nước đã từng bước triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ người chấp hành xong án phạt tù học nghề, tìm kiếm việc làm và phát triển sinh kế. Giai đoạn 2020 - 2025, các cơ sở giam giữ đã trả tự do cho 358.271 người chấp hành xong án phạt tù; tổ chức 7.903 đợt tư vấn tâm lý, hỗ trợ thủ tục pháp lý cho 367.275 lượt phạm nhân chuẩn bị chấp hành xong án; đào tạo nghề cho 54.229 phạm nhân và tư vấn, giới thiệu việc làm cho 9.982 phạm nhân trước khi trở về địa phương. Bên cạnh đó, thông qua chính sách tín dụng theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người

chấp hành xong án phạt tù, đến cuối năm 2025, đã có 14.978 người chấp hành xong án phạt tù được vay vốn với tổng dư nợ hơn 1.234 tỷ đồng để tạo việc làm và phát triển sản xuất - kinh doanh (Bộ Công an, 2026). Những kết quả này cho thấy, chính sách hỗ trợ việc làm đã từng bước được triển khai trên thực tế, góp phần hỗ trợ nhiều người chấp hành xong án phạt tù ổn định cuộc sống và duy trì tỷ lệ tái phạm dưới 2% trong giai đoạn 2020 - 2025.

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai vẫn bộc lộ nhiều hạn chế, như:

Thứ nhất, hệ thống chính sách hỗ trợ việc làm còn thiếu tính thống nhất. Mặc dù đã quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng nhưng các văn bản chủ yếu mang tính nguyên tắc, chưa quy định rõ cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin và trách nhiệm kết nối việc làm giữa cơ sở giam giữ, doanh nghiệp và chính quyền địa phương. Việc thiếu cơ chế điều phối thống nhất dẫn đến quá trình chia sẻ thông tin và hỗ trợ người chấp hành xong án phạt tù sau khi trở về địa phương còn chưa hiệu quả, ảnh hưởng đến khả năng kết nối việc làm.

Thứ hai, hoạt động đào tạo nghề chưa gắn với nhu cầu của thị trường lao động. Trong giai đoạn 2020 - 2025, có 54.229 phạm nhân được đào tạo nghề nhưng chỉ khoảng 9.982 người được tư vấn, giới thiệu việc làm trước khi trở về địa phương. Khoảng cách khá lớn giữa số người được đào tạo và số người được kết nối việc làm cho thấy, hoạt động đào tạo nghề vẫn chưa hình thành chuỗi hỗ trợ hoàn chỉnh từ đào tạo, tư vấn đến tuyển dụng. Điều này làm giảm hiệu quả của công tác đào tạo nghề và khiến nhiều người chấp hành xong án phạt tù tiếp tục gặp khó khăn trong quá trình tìm kiếm việc làm.

Thứ ba, cơ chế phối hợp giữa các chủ thể tham gia hỗ trợ việc làm chưa đồng bộ. Mặc dù nhiều địa phương đã xây dựng các mô hình hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng với sự tham gia của lực lượng Công an, chính quyền địa phương, Ngân hàng Chính sách xã hội, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội, song các mô hình này chủ yếu được triển khai theo sáng kiến của từng địa phương, chưa hình

thành cơ chế phối hợp liên ngành thống nhất trên phạm vi cả nước.

Thứ tư, định kiến xã hội và tâm lý e ngại của một bộ phận doanh nghiệp vẫn là rào cản lớn đối với cơ hội tiếp cận việc làm của người chấp hành xong án phạt tù. Pháp luật hiện hành chưa có cơ chế đủ mạnh để khuyến khích doanh nghiệp tham gia hỗ trợ việc làm hoặc hạn chế việc sử dụng thông tin về tiền án trong những trường hợp không thật sự cần thiết. Điều này khiến không ít người chấp hành xong án phạt tù gặp khó khăn trong quá trình tìm kiếm việc làm mặc dù đã được đào tạo nghề và đủ điều kiện lao động.

4. Giá trị tham khảo cho Việt Nam

Kinh nghiệm của Singapore, Na Uy và CHLB Đức cho thấy, hỗ trợ việc làm chỉ phát huy hiệu quả khi được đặt trong tổng thể chính sách tái hòa nhập cộng đồng với sự kết hợp giữa hoàn thiện thể chế, cơ chế phối hợp liên ngành, đào tạo nghề gắn với nhu cầu của thị trường lao động và giảm các rào cản trong tiếp cận việc làm.

Một là, tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp trong triển khai chính sách hỗ trợ việc làm đối với người chấp hành xong án phạt tù. Mặc dù *Luật Thi hành án hình sự* năm 2025 và Nghị định số 247/2026/NĐ-CP ngày 29/6/2026 của Chính phủ quy định về công tác tái hòa nhập cộng đồng đã tạo cơ sở pháp lý cho công tác tái hòa nhập cộng đồng, song cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan quản lý lao động, chính quyền địa phương, Ngân hàng Chính sách xã hội, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp trong hỗ trợ việc làm đối với người chấp hành xong án phạt tù. Theo đó, cần quy định rõ trách nhiệm trao đổi, chia sẻ thông tin giữa cơ sở giam giữ và chính quyền địa phương trước thời điểm người chấp hành xong án trở về nơi cư trú; đồng thời, xác định đầu mối chịu trách nhiệm kết nối việc làm, hỗ trợ vay vốn và theo dõi quá trình tái hòa nhập sau khi họ trở về địa phương.

Hai là, đổi mới đào tạo nghề theo hướng gắn với nhu cầu của thị trường lao động và tăng cường hỗ trợ cá nhân hóa. Các chương trình đào tạo nghề trong cơ sở giam giữ cần

được xây dựng trên cơ sở nhu cầu tuyển dụng của từng địa phương và có sự tham gia của doanh nghiệp ngay từ khâu xây dựng chương trình, đánh giá kỹ năng nghề và tiếp nhận lao động. Đồng thời, tăng cường tư vấn nghề nghiệp, đánh giá năng lực và xây dựng kế hoạch hỗ trợ việc làm phù hợp đối với từng người chấp hành xong án phạt tù trước khi trở về cộng đồng.

Ba là, tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện pháp luật về lý lịch tư pháp và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo hướng cân bằng giữa yêu cầu quản lý nhà nước và quyền tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù. Đồng thời, cần quy định rõ những trường hợp thực sự cần thiết phải yêu cầu phiếu lý lịch tư pháp trong tuyển dụng, hạn chế việc sử dụng thông tin về tiền án như một căn cứ loại trừ người lao động đối với các công việc không đòi hỏi yêu cầu đặc thù. Song song với đó, cần có các chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia tuyển dụng người chấp hành xong án phạt tù thông qua hỗ trợ chi phí đào tạo tại doanh nghiệp, ghi nhận trách nhiệm xã hội hoặc các cơ chế ưu đãi phù hợp theo quy định của pháp luật.

Bốn là, tăng cường nguồn lực và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện chính sách. Trong đó, cần gắn hoạt động cho vay với tư vấn nghề nghiệp, hướng dẫn sử dụng vốn và hỗ trợ phát triển sinh kế nhằm nâng cao hiệu quả của nguồn vốn ưu đãi. Đồng thời, xây dựng cơ sở dữ liệu thống nhất về tình hình việc làm, đào tạo nghề và tái hòa nhập cộng đồng làm cơ sở cho việc theo dõi, đánh giá và điều chỉnh chính sách. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh truyền thông nhằm giảm định kiến xã hội, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và cộng đồng về vai trò của việc làm đối với tái hòa nhập cộng đồng, qua đó, góp phần giảm tái phạm và bảo đảm an sinh xã hội.

5. Kết luận

Trên cơ sở đối chiếu kinh nghiệm với thực tiễn Việt Nam, bài viết xác định ba định hướng có giá trị tham khảo trong hoàn thiện chính sách, gồm: (1) Hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành; (2) Gắn đào tạo nghề với nhu cầu của thị trường lao động và hỗ trợ liên tục quá trình tái hòa nhập; (3) Hoàn thiện cơ chế pháp lý nhằm giảm rào cản tiếp cận việc làm

của người chấp hành xong án phạt tù. Những định hướng này không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả tái hòa nhập cộng đồng và phòng ngừa tái phạm mà còn đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực, bảo đảm an ninh, trật tự và phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh hiện nay. □

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Công an (2026). *Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Nghị định số 49/2020/NĐ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thi hành án hình sự về tái hòa nhập cộng đồng và sơ kết 2 năm thực hiện Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù*.
- CEP Probation. (n.d.). *Norwegian Reintegration Guarantee aims to provide ex-prisoners the right tools for resocialization*. <https://www.cep-probation.org/norwegian-reintegration-guarantee-aims-to-provide-ex-prisoners-the-right-tools-for-resocialization>.
- Federal Ministry of Justice (2023). *Criminal Justice in Germany (8th ed.)*. https://www.bmjjv.de/SharedDocs/Downloads/DE/Fachpublikationen/CriminalJustice_in_Germany_8_Ed.pdf (dữ liệu từ nghiên cứu Legalbewährung 2016-2019, phần VII - Reconviction).
- Morgenstern, C. (2011). Judicial rehabilitation in Germany - The use of criminal records and the removal of recorded convictions. *European Journal of Probation*, 3(1), 20-35. http://www.ejprob.ro/uploads_ro/720/Judicial_rehabilitation_in_Germany.pdf.
- Offploy (2025). *Global Insights on Hiring Ex-Offenders*. <https://www.offploy.org/post/how-england-wales-compares-global-insights-on-hiring-ex-offenders>.
- Singapore Prison Service & Yellow Ribbon Singapore (2026). *SPS and YRSG Annual Statistics Release for 2025*. Singapore: Singapore Prison Service. [https://www.sps.gov.sg/files/media%20releases/Press Release - SPS - YRSG - Annual - Statistics Release for 2025.pdf](https://www.sps.gov.sg/files/media%20releases/Press%20Release%20-%20SPS%20-%20YRSG%20-%20Annual%20Statistics%20Release%20for%202025.pdf).
- University of Bergen. (n.d.). *Norwegian prisons rehabilitate criminal offenders*. <https://www.uib.no/en/news/100126/norwegian-prisons-rehabilitate-criminal-offenders>.
- Visher, C. A., Winterfield, L., & Coggeshall, M. B. (2005). Ex-Offender Employment Programs and Recidivism: A Meta-analysis. *Journal of Experimental Criminology*, 1(3), 295-316.
- Yellow Ribbon Singapore. (n.d.). *Our Impact in 2025*. <https://www.yellowribbon.gov.sg>.